TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2021
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga

Ông Trần Hoài Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Luyến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 3 và ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, về việc: *"Ly hôn"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/QĐST-DS ngày 16/3/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 397/TB-TA ngày 29/6/2021; Thông báo về việc tạm dừng phiên tòa số 429/TB-TA ngày 07/7/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 476/TB-TA ngày 21/7/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Cẩm T - sinh năm 1992; cư trú tại số 255 đường V, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Vương Đình Tuấn N – sinh năm 1992; cư trú tại số 218 T, 427 L, M, W, 53706, Hoa Kỳ.

(Chị T có mặt, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2020, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Cẩm T trình bày:*

Chị và anh Vương Đình Tuấn N tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 18/8/2016. Sau khi kết hôn, chị sinh sống ở Việt Nam, còn anh N sinh sống ở Hoa Kỳ. Thỉnh thoảng, anh N mới về Việt Nam thăm chị, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị sinh cháu Nguyễn Nhật Tr – sinh ngày 03/9/2020, nhưng chị xác định cháu Tr không phải là con chung của chị và anh N vì anh N về Việt Nam thăm chị lần gần đây nhất là vào tháng 6/2019. Từ đó đến nay, anh N không về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại Đơn trình bày đề ngày 25/01/2021, bị đơn là anh Vương Đình Tuấn N trình bày:* Anh và chị Nguyễn Cẩm T tình nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng pháp luật. Trong cuộc sống, anh và chị T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Việc chị T mang thai, anh không có ý kiến gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chị T có con trong vụ án này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo qui định tại Điều 35, 37, 68, 98, 105, 191, 196, 474, 476 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, về xác định tư cách người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng.

Đối với người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 37, 38, 147, 153, 273, 464, 476, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, 51, 53, 56, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn

Cẩm T về việc ly hôn với anh Vương Đình Tuấn N. Về con chung, nợ chung, tài sản chung: Không có. Nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vương Đình Tuấn N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/01/2021. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm T và anh Vương Đình Tuấn N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/8/2016, nên hôn nhân của chị T và anh N là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Đơn trình bày đề ngày 25/01/2021 của anh N; lời trình bày của chị T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh N và chị T đều thừa nhận sau khi kết hôn anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mặt khác, anh N và chị T không có nhiều thời gian sống chung với nhau; anh N sinh sống, làm việc tại Hoa Kỳ, còn chị T sinh sống, làm việc tại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý quá xa, mỗi người sinh sống, làm việc ở mỗi nơi, ít có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn, anh N đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vào ngày 03/9/2020 chị T sinh cháu Nguyễn Nhật Tr. Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng* ..., nhưng chị T xác định cháu Tr không phải là con chung của chị và anh N vì anh N về Việt Nam và trở lại Hoa Kỳ lần gần đây nhất là vào tháng 6 năm 2019, trong khi đó chị sinh cháu Tr vào ngày 03/9/2020. Về phía anh N không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chị T mang thai trong vụ án này. Mặt khác, theo Công văn số 396/PA08 ngày 16/6/2021 của Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Ngãi về việc cung cấp thông tin cho Tòa án thì: ... *Anh N xuất, nhập cảnh nhiều lần, lần đầu xuất cảnh vào ngày 16/9/2014; ngày nhập cảnh gần nhất là ngày 23/5/2019. Ngày 27/6/2019, anh N xuất cảnh đến nay chưa có thông tin nhập cảnh*. Như vậy, từ ngày anh N xuất cảnh gần đây nhất là ngày 27/6/2019, đến ngày 03/9/2020 chị T

sinh cháu Tr là hơn 14 tháng. Do đó, có cơ sở xác định cháu Nguyễn Nhật Tr không phải là con chung của chị T và anh N.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[2.5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật, tổng cộng là 4.061.600 đồng, chị T tự nguyện chịu. Chị T đã nộp và chi phí xong.

[2.6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, 56, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm T được ly hôn anh Vương Đình Tuấn N.

2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Cẩm T và anh Vương Đình Tuấn N trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Cẩm T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* theo Biên lai số AA/2018/0004823 ngày 25/5/2020 của Cục T hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị Nguyễn Cẩm T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng khác: Tổng cộng là 4.061.600 đồng *(bốn triệu, sáu mươi mốt ngàn, sáu trăm)*, chị Nguyễn Cẩm T tự nguyện chịu. Chị T đã nộp và chi phí xong.

Chị Nguyễn Cẩm T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Vương Đình Tuấn N không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 *(một)* tháng, kể từ ngày bản án được tống

đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan